TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ SÀI GÒN

PHÒNG ĐÀO TẠO

KẾT QUẢ XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2020 - 2021

BẬC ĐẠI HỌC - NGÀNH KTCT XÂY DỰNG - KHÓA 2017

STT	MASV	HỌ VÀ TÊN		LỚP	ĐIỂM TRUNG BÌNH HỌC KỲ																																	TÍCH LŨY			KẾT QUẢ XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 1 (2020 - 2021)				KHÓA TUYỂN SINH
					101	102	103	111	112	113	121	122	123	131	132	133	141	142	143	151	152	153	161	162	163	171	172	173	181	182	183	191	192	193	201	ĐIỂM TB	TÍN CHỈ	MÔN HỌC	HỌC TẬP	HỌC PHÍ	ĐKMH	HÌNH THỨC XỬ LÝ	
(A00)	(B01)	(B02)		(B03)	(C01)	(C02)	(C03)	(C04)	(C05)	(C06)	(C07)	(C08)	(C09)	(C10)	(C11)	(C12)	(C13)	(C14)	(C15)	(C16)	(C17)	(C18)	(C19)	(C20)	(C21)	(C22)	(C23)	(C24)	(C25)	(C26)	(C27)	(C28)	(C29)	(C30)	(C31)	(D01)	(D02)	(D03)	(E01)	(E02)	(E03)	(E04)	(F00)
1	DH81700703	Nguyễn Quốc	Anh	D17_XD01																						5.36	4.86	5.80	4.95	4.17		4.79	5.80	6.00	4.78	5.53	121/144	47/60				ĐẠT	DH17
2	DH81703239	Lê Vũ	Duy	D17_XD01																						5.68	5.05	5.00	5.95	5.63	5.82	5.36	5.81		4.53	5.97	129/144	51/60				ĐẠT	DH17
3	DH81700398	Nguyễn Minh	Hiếu	D17_XD01																						5.45	5.50	6.43	6.10	6.17	6.57	6.36	6.56		6.44	6.48	142/144	57/60				ĐẠT	DH17
4	DH81701183	Nguyễn Toàn Kim	Huy	D17_XD01																						6.86	7.09		6.76	6.54		7.60	7.73		8.00	7.13	144/144	60/60				ĐẠT	DH17
5	DH81700768	Đỗ Minh	Liêm	D17_XD01																						5.18	3.86	2.86	4.76	4.87	5.50	3.96	5.57	2.57	4.32	5.24	105/144	42/60				ĐẠT	DH17
6	DH81700167	Trịnh Hải	Long	D17_XD01																						5.50	4.41	4.43	5.57	4.30	5.50	5.50	6.43	6.50	5.88	6.01	129/144	52/60				ĐẠT	DH17
7	DH81701005	Nguyễn Công Hoàng	Mỹ	D17_XD01																						3.18	1.00		4.67	3.90	4.00	1.96	3.45		4.00	3.54	49/144	22/60				ĐẠT	DH17
8	DH81700665	Bùi Duy	Nghĩa	D17_XD01																						5.32	3.77	3.86	4.52	4.27	4.50	4.48	4.92	5.80	5.33	4.93	91/144	37/60				ĐẠT	DH17
9	DH81700124	Lý Phong	Nhã	D17_XD01																						5.68	4.55		5.14	4.69	3.00	4.89	5.46		4.93	5.31	116/144	46/60				ĐẠT	DH17
10	DH81700225	Huỳnh Công	Phúc	D17_XD01																						4.86	3.77	4.86	4.71	4.30	4.00	3.45	4.88	6.00	4.42	4.79	92/144	38/60				ĐẠT	DH17
11	DH81700534	Võ Quang Hoàng	Phúc	D17_XD01																						3.23	0.00		4.29	3.88	4.64	2.66	3.00	2.42	1.04	3.56	53/144	21/60	BTH			BTH	DH17
12	DH81701119	Nguyễn Minh	Quân	D17_XD01																						4.41	2.73		4.28	4.46		4.84	3.30	2.00	3.69	4.40	80/144	33/60				ĐẠT	DH17
13	DH81701198	Võ Tấn	Tài	D17_XD01																						6.50	6.68		6.10	5.54	6.00	5.40	3.96		1.71	5.57	111/144	43/60	CCHV_2			CCHV	DH17
14	DH81705195	Hồ Nhật	Tân	D17_XD01																						6.23	7.73		6.71	6.15	5.00	6.52	6.96		7.33	7.05	139/144	57/60				ĐẠT	DH17
15	DH81701481	Phan Văn	Thảo	D17_XD01																						5.64	4.95		5.33	5.53	6.71	5.07	5.92	8.00	6.13	6.02	132/144	52/60				ĐẠT	DH17
16	DH81701104	Trần Trung	Tính	D17_XD01																						4.50	2.73	2.86	4.29	4.66		3.17	4.76	2.62	0.86	4.15	67/144	29/60	CCHV_3	NoHP		DC	DH17
17	DH81700451	Trần Quốc	Trung	D17_XD01																						7.05	5.86		5.95	5.97	5.50	6.28	6.44		7.09	6.60	144/144	59/60				ĐẠT	DH17
18	DH81700565	Phạm Ngọc	Tú	D17_XD01																						4.36	0.41	3.29	3.71	2.77	4.00	4.48	4.68		2.77	3.80	61/144	23/60	CB_BTH_1			CB_BTH	DH17
19	DH81700363	Nguyễn Vũ Gia	An	D17_XD02																						3.95	3.45	3.71	4.86	4.35	4.00	5.00	4.87	4.00	3.55	4.88	92/144	38/60				ĐẠT	DH17
20	DH81702812	Phạm Tiến	Dũng	D17_XD02																						4.45	3.41	3.43	6.00	5.78	6.56	5.86	6.23	5.00	5.92	6.12	133/144	55/60				ĐẠT	DH17
21	DH81702615	Huỳnh Nguyễn Hoàng	Duy	D17_XD02																						4.50	5.41	4.43	5.57	6.00	5.67	6.46	6.82	5.00	7.56	6.46	140/144	58/60				ĐẠT	DH17
22	DH81701324	Tiêu Thanh	Đại	D17_XD02																						6.95	6.91		6.57	6.54	4.00	6.46	6.61		5.56	6.75	141/144	57/60				ĐẠT	DH17
23	DH81702153	Nguyễn Tấn	Đạt	D17_XD02																						5.55	5.95	4.71	4.76	5.70	3.57	6.17	6.50	5.22	5.28	6.34	137/144	55/60				ĐẠT	DH17
24	DH81702670	Ma Anh	Giang	D17_XD02																						4.05	4.41	0.00	4.71	5.50	7.00	6.07	6.07	6.00	6.00	5.96	135/144	54/60				ĐẠT	DH17
25	DH81701948	Trương Ngọc	Hà	D17_XD02																						4.59	3.50	1.86	4.00	3.37	4.56	5.38	4.94	4.00	5.00	4.85	98/144	42/60				ĐẠT	DH17
26	DH81700831	Nguyễn Lê Khánh	Hậu	D17_XD02																						4.36	3.55	1.86	4.76	4.19	4.50	4.76	5.07	4.00	6.00	5.10	100/144	43/60				ĐẠT	DH17
27	DH81703442	Nguyễn Việt	Hoàng	D17_XD02																						6.95	6.95		6.61	6.96		7.14	7.55		6.38	7.15	143/144	59/60				ĐẠT	DH17
28	DH81702491	Nguyễn Thành	Kiên	D17_XD02																						4.50	4.41	2.86	4.71	4.00		4.32	5.14	4.00	5.32	4.94	100/144	42/60				ĐẠT	DH17
29	DH81703013	Đoàn Nguyễn Viết	Luân	D17_XD02																						3.50	4.41		4.76	4.77	5.11	5.28	0.00		2.25	3.93	68/144	28/60	CCHV_3			CCHV	DH17
30	DH81703824	Lâm Võ Phúc	Nguyên	D17_XD02																						5.00	6.77		6.48	6.19	6.56	7.43	7.20		8.25	7.03	144/144	60/60				ĐẠT	DH17
31	DH81705254	Phạm Ngọc Thanh	Nguyên	D17_XD02																						8.00	8.27		7.48	7.92		8.68	8.73		7.78	8.32	145/144	60/60				ĐẠT	DH17
32	DH81701048	Lê Văn	Phát	D17_XD02																						6.86	6.86		6.43	7.73	8.00	8.24	8.05		8.86	7.56	145/144	60/60				ĐẠT	DH17
33	DH81703975	Lê Tấn	Phước	D17_XD02																						6.68	6.82		5.95	5.65		6.29	5.64		7.17	6.35	134/144	55/60				ĐẠT	DH17
34	DH81700186	Vi Tuấn	Sang	D17_XD02																						5.50	6.95	4.14	6.38	5.85	5.00	7.76	6.68	6.00	7.92	6.92	143/144	59/60				ĐẠT	DH17
35	DH81702786	Đoàn Văn	Tâm	D17_XD02																						6.14	6.55	4.75	5.67	5.35	5.00	6.71	6.03		6.87	6.42	140/144	57/60				ĐẠT	DH17
36	DH81700851	Phạm Chu	Thiện	D17_XD02																						3.09	4.50		4.89	5.73	6.00	5.84	6.56	7.71	4.69	5.92	131/144	51/60				ĐẠT	DH17
37	DH81704233	Nguyễn	Thuận	D17_XD02																						5.55	7.05	4.71	6.10	5.92	5.00	6.43	6.00	7.00	6.90	6.50	143/144	59/60				ĐẠT	DH17
38	DH81701031	Lê Nguyễn Thanh	Trinh	D17_XD02																						6.55	6.14		5.95	7.23	7.00	7.52	7.95		7.00	7.17	145/144	60/60				ĐẠT	DH17
39	DH81701068	Nguyễn Văn	Trường	D17_XD02																						4.23	4.68	3.71	5.19	5.46	4.33	5.81	5.81	4.00	4.68	5.60	112/144	47/60				ĐẠT	DH17
40	DH81702499	Lê Xuân	Văn	D17_XD02																						6.14	5.82	6.00	5.71	5.73	6.57	5.82	5.68	7.00	4.38	6.17	138/144	54/60				ĐẠT	DH17
41	DH81701959	Nguyễn Văn	Vũ	D17_XD02																						5.64	6.73	4.86	6.05	6.81	7.00	7.40	7.18		6.88	6.87	141/144	59/60				ĐẠT	DH17

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ SÀI GÒN

PHÒNG ĐÀO TẠO

KẾT QUẢ XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2020 - 2021

BẬC ĐẠI HỌC - NGÀNH KTCT XÂY DỰNG - KHÓA 2017

STT	MASV	HỌ VÀ TÊN		LỚP	ĐIỂM TRUNG BÌNH HỌC KỲ																																	TÍCH LŨY			KẾT QUẢ XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 1 (2020 - 2021)				KHÓA TUYỂN SINH
					101	102	103	111	112	113	121	122	123	131	132	133	141	142	143	151	152	153	161	162	163	171	172	173	181	182	183	191	192	193	201	ĐIỂM TB	TÍN CHỈ	MÔN HỌC	HỌC TẬP	HỌC PHÍ	ĐKMH	HÌNH THỨC XỬ LÝ	
(A00)	(B01)	(B02)		(B03)	(C01)	(C02)	(C03)	(C04)	(C05)	(C06)	(C07)	(C08)	(C09)	(C10)	(C11)	(C12)	(C13)	(C14)	(C15)	(C16)	(C17)	(C18)	(C19)	(C20)	(C21)	(C22)	(C23)	(C24)	(C25)	(C26)	(C27)	(C28)	(C29)	(C30)	(C31)	(D01)	(D02)	(D03)	(E01)	(E02)	(E03)	(E04)	(F00)
42	DH81703097	Phạm Thế	Anh	D17_XD03																						2.95	2.36	2.86	5.67	3.90	4.50	5.43	5.24	4.27	3.96	4.95	101/144	42/60				ĐẠT	DH17
43	DH81703104	Vũ Đình	Anh	D17_XD03																						5.86	5.23	5.29	6.10	6.42	6.60	6.12	6.00		6.50	6.50	140/144	58/60				ĐẠT	DH17
44	DH81703112	Nguyễn Hoàng	Ân	D17_XD03																						6.73	5.55		5.86	6.31	7.73	6.68	4.88		3.93	6.39	129/144	52/60				ĐẠT	DH17
45	DH81703157	Trần Võ Bảo	Châu	D17_XD03																						6.73	6.09	7.00	7.00	7.17	7.00	7.24	6.09		5.33	6.80	142/144	57/60				ĐẠT	DH17
46	DH81702939	Võ Ngọc	Hà	D17_XD03																						5.73	4.86		4.95	4.90	5.00	6.16	4.93		4.89	5.74	124/144	50/60				ĐẠT	DH17
47	DH81703394	Nguyễn Đức	Hiếu	D17_XD03																						5.55	3.73		4.95	4.67	7.20	6.44	5.45	6.27	4.94	5.89	130/144	52/60				ĐẠT	DH17
48	DH81702927	Lê Quang	Khải	D17_XD03																						6.68	4.86		6.24	5.50	7.00	6.64	5.22		5.00	6.22	134/144	55/60				ĐẠT	DH17
49	DH81703569	Lương Trần Đăng	Khoa	D17_XD03																						4.27	2.00	3.29	4.62	3.63	5.43	5.08	4.93	4.50	5.33	4.88	109/144	44/60				ĐẠT	DH17
50	DH81703749	Nguyễn Trần Quốc	Nam	D17_XD03																						5.86	4.05		5.43	4.22	4.45	5.21	3.88	4.27	1.29	4.90	95/144	38/60	CCHV_2			CCHV	DH17
51	DH81700388	Phạm Thị Quỳnh	Như	D17_XD03																						6.55	6.00	5.00	6.81	6.88	8.50	7.80	6.91		7.00	7.24	144/144	60/60				ĐẠT	DH17
52	DH81703924	Huỳnh Tấn	Phát	D17_XD03																						6.32	4.86		6.43	5.77	5.50	7.00	5.65	7.00	4.73	6.32	142/144	57/60				ĐẠT	DH17
53	DH81703929	Nguyễn Tấn	Phát	D17_XD03																						5.95	3.82		5.93	4.67	5.50	5.16	1.15		1.10	4.53	83/144	34/60	CCHV_3	NoHP	KoDKMH	DC	DH17
54	DH81702277	Nguyễn Thị Kim	Phượng	D17_XD03																						7.91	7.77		7.90	7.81	8.00	8.44	8.05		7.00	8.03	144/144	60/60				ĐẠT	DH17
55	DH81704010	Nguyễn Minh	Quân	D17_XD03																						6.55	4.86		7.14	6.37	7.00	6.72	5.96		5.14	6.49	143/144	58/60				ĐẠT	DH17
56	DH81702980	Phạm Minh	Quân	D17_XD03																						5.18	4.09		6.10	5.30	4.50	6.36	5.48	6.91	5.65	6.09	135/144	55/60				ĐẠT	DH17
57	DH81704034	Huỳnh Quang	Quý	D17_XD03																						6.23	4.00		5.86	4.74	6.00	5.86	4.85	4.00	3.73	5.57	120/144	48/60				ĐẠT	DH17
58	DH81704097	Nguyễn Lê Quyết	Tâm	D17_XD03																						5.45			6.75	5.75	4.29	3.87	4.08	5.86	2.62	5.30	89/144	35/60	CCHV_1			CCHV	DH17
59	DH81704122	Nguyễn Trương Quốc	Thái	D17_XD03																						5.73	4.68		6.90	6.33	7.50	6.68	6.54	9.00	6.00	6.72	143/144	58/60				ĐẠT	DH17
60	DH81704155	Trần Huy	Thành	D17_XD03																						5.45	2.95	2.29	3.67	2.63	4.14	5.05	4.14	3.67	4.00	4.48	81/144	34/60				ĐẠT	DH17
61	DH81704279	Nguyễn Nhật	Tiến	D17_XD03																						4.50	3.05	0.00	5.33	2.23	5.50	3.50	5.76	5.73	4.97	5.32	116/144	47/60				ĐẠT	DH17
62	DH81702960	Chu Quốc	Triệu	D17_XD03																						6.14	4.27		5.86	4.81	6.00	5.50	4.89		4.40	5.61	112/144	45/60				ĐẠT	DH17
63	DH81704456	Trần Minh	Tuấn	D17_XD03																						5.27	2.55		4.10	2.42	4.57	4.72	3.53	2.55	1.83	4.18	67/144	29/60	CB_BTH_1			CB_BTH	DH17
64	DH81702803	Huỳnh Thanh	Tùng	D17_XD03																						5.91	2.77		5.95	4.90	5.50	6.08	5.07	5.50	3.69	5.61	118/144	46/60				ĐẠT	DH17
65	DH81704506	Lê Khánh	Văn	D17_XD03																						4.95	2.73		2.20	1.40		4.92	4.42	0.43	3.92	3.60	60/144	27/60	CB_BTH_1			CB_BTH	DH17
66	DH81702248	Nguyễn Toàn	Vũ	D17_XD03																						5.50	4.91	7.00	5.43	6.37	6.00	6.41	5.77	5.50	5.50	6.28	133/144	56/60				ĐẠT	DH17
67	DH81701191	Châu Hoàng	Duy	D17_XD04																						6.27	5.32	6.00	5.71	6.13	8.00	6.61	6.92	9.57	7.83	6.92	145/144	60/60				ĐẠT	DH17
68	DH81700454	Trần Quốc	Duy	D17_XD04																						5.55	4.50	5.57	5.81	6.17	6.50	7.04	6.00	5.00	5.17	6.27	140/144	57/60				ĐẠT	DH17
69	DH81703423	Võ Đức Trí	Hạnh	D17_XD04																						6.05	5.55	5.00	6.29	6.58		6.00	2.45		0.00	5.36	95/144	40/60	CCHV_2	NoHP	KoDKMH	DC	DH17
70	DH81703428	Ngô Phước	Hòa	D17_XD04																						6.14	4.27		6.24	6.27		6.39	6.22	4.67	5.14	6.23	137/144	55/60				ĐẠT	DH17
71	DH81703447	Trần Nhật Minh	Hoàng	D17_XD04																						5.18	4.23	5.43	5.62	5.47		5.54	6.27	4.80	4.86	5.93	135/144	55/60				ĐẠT	DH17
72	DH81700142	Nguyễn Tấn	Lộc	D17_XD04																						4.95	3.45		5.48	5.96	5.78	5.93	5.23	2.80	4.10	5.53	124/144	51/60				ĐẠT	DH17
73	DH81700141	Võ Hữu	Lộc	D17_XD04																						4.95	2.95	4.43	5.52	5.23	6.00	5.72	5.57	3.67	4.27	5.46	120/144	50/60				ĐẠT	DH17
74	DH81701529	Bùi Văn	Minh	D17_XD04																						5.45	5.14	4.00	5.57	5.10		6.08	6.32	2.67	3.77	5.66	125/144	51/60				ĐẠT	DH17
75	DH81703755	Lê Hữu	Năng	D17_XD04																						5.91	5.50		5.14	6.00	8.00	6.31	5.73	7.00	5.80	6.19	136/144	56/60				ĐẠT	DH17
76	DH81703811	Lê Trọng	Nghĩa	D17_XD04																						7.73	8.14		6.95	7.00	7.00	7.24	7.00		6.71	7.40	144/144	60/60				ĐẠT	DH17
77	DH81703814	Nguyễn Hoàng Trung	Nghĩa	D17_XD04																						6.64	6.14		6.71	6.13	7.45	5.88	5.85		6.57	6.58	143/144	58/60				ĐẠT	DH17
78	DH81700420	Nguyễn Thị Phương	Ngọc	D17_XD04																						5.77	3.59	5.80	6.24	6.20	4.00	6.76	6.67	3.50	6.50	6.28	137/144	58/60				ĐẠT	DH17
79	DH81704806	Ngô Thị Quỳnh	Như	D17_XD04																						5.86	5.41	4.86	6.19	5.88	7.45	6.72	6.68	3.00	5.78	6.61	139/144	58/60				ĐẠT	DH17
80	DH81703917	Nguyễn Mai	Ninh	D17_XD04																						5.82	4.27	3.71	5.81	6.23	6.00	6.18	6.46	6.57	5.60	6.27	140/144	57/60				ĐẠT	DH17
81	DH81703971	Trần Hoàng	Phúc	D17_XD04																						5.95	4.09	3.29	5.14	5.62	6.14	5.46	5.92	5.47	4.17	5.94	132/144	52/60		NoHP		DC	DH17
82	DH81701532	Lý Trường	Sơn	D17_XD04																						6.18	6.05	5.00	6.71	6.92	5.00	7.92	7.27		8.00	7.01	144/144	60/60				ĐẠT	DH17

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ SÀI GÒN

PHÒNG ĐÀO TẠO

KẾT QUẢ XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2020 - 2021

BẬC ĐẠI HỌC - NGÀNH KTCT XÂY DỰNG - KHÓA 2017

STT	MASV	HỌ VÀ TÊN		LỚP	ĐIỂM TRUNG BÌNH HỌC KỲ																																	TÍCH LŨY			KẾT QUẢ XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 1 (2020 - 2021)				KHÓA TUYỂN SINH
					101	102	103	111	112	113	121	122	123	131	132	133	141	142	143	151	152	153	161	162	163	171	172	173	181	182	183	191	192	193	201	ĐIỂM TB	TÍN CHỈ	MÔN HỌC	HỌC TẬP	HỌC PHÍ	ĐKMH	HÌNH THỨC XỬ LÝ	
(A00)	(B01)	(B02)		(B03)	(C01)	(C02)	(C03)	(C04)	(C05)	(C06)	(C07)	(C08)	(C09)	(C10)	(C11)	(C12)	(C13)	(C14)	(C15)	(C16)	(C17)	(C18)	(C19)	(C20)	(C21)	(C22)	(C23)	(C24)	(C25)	(C26)	(C27)	(C28)	(C29)	(C30)	(C31)	(D01)	(D02)	(D03)	(E01)	(E02)	(E03)	(E04)	(F00)
83	DH81704072	Nguyễn Hồng	Sơn	D17_XD04																						5.50	4.27	4.00	5.90	5.88	6.14	6.11	5.96	4.00	5.10	6.03	128/144	53/60				ĐẠT	DH17
84	DH81700375	Tăng Xuân	Sơn	D17_XD04																						5.73	6.36	6.43	6.57	6.73		6.36	7.00		3.90	6.51	143/144	59/60				ĐẠT	DH17
85	DH81702949	Huỳnh Tấn	Tài	D17_XD04																						6.18	4.95	6.00	6.24	6.17		6.68	5.96	2.00	5.00	6.11	138/144	56/60				ĐẠT	DH17
86	DH81704123	Nguyễn Văn	Thái	D17_XD04																						6.82	3.86		5.86	6.08	7.00	6.29	6.34	8.00	7.33	6.46	142/144	59/60				ĐẠT	DH17
87	DH81705027	Bùi Thanh	Thắng	D17_XD04																						4.91	3.36		3.67	4.22	5.00	4.95	5.18	4.47	4.41	5.02	107/144	44/60				ĐẠT	DH17
88	DH81702270	Mai Ngọc	Trọng	D17_XD04																						5.36	3.55	3.14	4.90	6.35	6.00	5.03	4.33	1.50	1.07	5.18	108/144	44/60	CCHV_2			CCHV	DH17
89	DH81704473	Nguyễn Mạnh	Tuyền	D17_XD04																						6.77	5.82		6.33	6.38	7.14	7.44	7.00		7.50	6.85	144/144	60/60				ĐẠT	DH17
90	DH81704533	Nguyễn Đức	Vinh	D17_XD04																						6.36	6.32		6.29	5.96		6.43	5.82		5.40	6.38	139/144	57/60				ĐẠT	DH17
91	DH81704505	Võ Tuấn	Vỹ	D17_XD04																						5.45	4.05	4.00	5.52	5.35	4.00	5.54	5.09	4.00	4.27	5.38	112/144	45/60				ĐẠT	DH17

Lưu ý: **- Điểm trung bình được tính đến ngày 18/03/2021 (trong đó không tính điểm môn Giáo dục quốc phòng và Giáo dục thể chất).**

- Phòng Đào tạo nhận đơn giải quyết các vấn đề học vụ trong khoảng thời gian từ Thứ Ba, ngày 23/03/2021 đến hết Thứ Sáu, ngày 26/03/2021. Quá thời hạn nêu trên Nhà trường sẽ xử lý học vụ theo quy định.

Ghi chú: Cột (C01) đến cột (C31): - Điểm trung bình học kỳ

- Ký hiệu học kỳ: 3 ký tự - dạng số

Ví dụ:

101 năm học 2010 - 2011 học kỳ 1

102 năm học 2010 - 2011 học kỳ 2

103 năm học 2010 - 2011 học kỳ hè

111 năm học 2011 - 2012 học kỳ 1

Cột (D01): Điểm trung bình tích lũy

Cột (D02): Số tín chỉ tích lũy/ Số tín chỉ chương trình đào tạo thực hiện

Cột (D03): Số môn học tích lũy/ Số môn học chương trình đào tạo thực hiện

---

Qui ước:

[1] NoHP: Nợ học phí

[2] KoDKMH: Không đăng ký môn học

[3] CCHV: Cảnh cáo học vụ về kết quả học tập

[4] BTH: Buộc thôi học

[5] CB_BTH: Cảnh báo buộc thôi học

[6] CB_TGIAN: Cảnh báo hết thời gian học tập

[7] DC: Đình chỉ học tập

[8] TH_QHAN: Xóa tên vì hết thời gian học tập

[9] NGHIHOC: Nghỉ học vì lý do cá nhân

[10] TDUNG: Tạm dừng vì lý do cá nhân

[11] DC & CB_TGIAN: Đình chỉ học tập và Cảnh báo hết thời gian học tập theo khóa tuyển sinh

[*] Sinh viên có tên trong danh sách đang chờ xét tốt nghiệp

Tp. HCM, ngày 22 tháng 03 năm 2021

NGƯỜI LẬP BẢNG	TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO	HIỆU TRƯỞNG
(Đã ký)	(Đã ký)	(Đã ký)
Nguyễn Thị Minh Trúc	**ThS. Lê Thị Ngọc Phượng**	**PGS, TS. Cao Hào Thi**